TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Khuyên

2. Ông Nguyễn Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Khương Thị Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Ông Phạm Quang Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 về việc*: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1988

Nơi ĐKHK: thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh V

Nơi cư trú: thôn Q, xã Q, huyện L, tỉnh V (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Hà Mạnh T, sinh năm 1983

Nơi cư trú: thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh V (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 29/6/2021 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị và anh Hà Mạnh T kết hôn ngày 25/9/2006, có tìm hiểu, có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L. Kết hôn xong, chị về sống chung cùng gia đình anh T ngay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận,

hạnh phúc đến tháng 6 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh T chơi bời, nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Vợ chồng chị ly thân nhau từ ngày 18/6/2021 đến nay, gia đình hai bên có hòa giải nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn trầm trọng nên không thể hàn gắn được. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Hà Quyết T1, sinh ngày 26/7/2007 và Hà Trường G, sinh ngày 27/11/2009. Ly hôn, chị xin nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị S không đề nghị Tòa án giải quyết

* Bị đơn là anh Hà Mạnh T quá trình giải quyết vụ án luôn vắng mặt, không có mặt để trình bày quan điểm và tham gia hòa giải tại Tòa án. Qua xác minh tại địa phương và gia đình anh T là ông Hà Văn Th (ông Th là bố đẻ của anh T) cho biết: Hiện tại anh T đang sinh sống tại thôn H, xã Đ, các lần Tòa án báo gọi anh T có nhận được giấy tờ của Tòa án. Theo ông Th cho biết: Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T, chị S ghen tuông, không tin tưởng nhau. Đến tháng 6/2021, chị S tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, gia đình hai bên có dàn xếp cho anh chị nhưng không được và anh, chị ly thân nhau từ đó cho đến nay; việc chị S xin ly hôn, anh T có biết và anh T để chị S tự quyết định nên anh T không lên Tòa án để làm việc. Về con chung của anh chị: như chị S trình bày là đúng và ông Th đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức của anh Toàn, chị Sơn: không có gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của chị Sơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Anh Hà Mạnh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận cho chị S được ly hôn anh T. Về con chung: giao cho chị S nuôi 2 con chung, anh T không phải đóng góp nuôi con chung cùng

chị S. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: các bên không đề nghị nên không xem xét. Về án phí: Chị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Nguyễn Thị S xin ly hôn anh Hà Mạnh T và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn là anh Hà Mạnh T nhưng anh T không đến Tòa để làm việc. Tòa án đã tiến hành thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đến gia đình của anh Toàn nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị S và anh Hà Mạnh T là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng kết hôn và đã có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến tháng 6 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không tin tưởng, nghi ngờ nhau và không bảo ban được nhau nên làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Xét tình cảm vợ chồng giữa chị S và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến để giải quyết việc chị S xin ly hôn nhưng anh T cố tình vắng mặt, không có lý do. Như vậy phần nào thể hiện anh T không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy đề nghị xin ly hôn của chị S là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi con chung cùng của chị S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm nuôi con chung của các bên là như nhau. Tuy nhiên, anh T không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên

không có quan điểm của anh về con chung và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Do vậy, cần giao cho chị S trực tiếp nuôi cả hai con chung, anh T không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị S.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T không có mặt nên không có quan điểm và đề nghị của anh về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, khi nào anh T đề nghị sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị S là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Hà Mạnh T.

2. Xử về con chung: Giao cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Hà Trường G, sinh ngày 27/11/2009 và cháu Hà Quyết T1, sinh ngày 26/7/2007. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng an phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001805 ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Trong thời hạn 15 ngày kể tử ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Lập Thạch;*
- *Chi cục THADS Lập Thạch;*
- *UBND xã Đ;*
- *Đương sự;*
-*Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Nga